

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án thành phần số 2: ĐTXD công trình (giai đoạn 2026-2030) Khu KTQP Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

1.3. Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông nông thôn loại B (miền núi); Công trình Dân dụng, cấp III; Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV; Công trình thủy lợi, cấp IV.

1.4. Cấp Quyết định đầu tư: Bộ Quốc phòng.

1.5. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Quân khu 4.

- Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng: Đoàn KT-QP 337/QK4.

1.6. Địa điểm xây dựng: Tại 07 xã thuộc tỉnh Quảng Trị, gồm: Tà Rụt; Đakrông; Hướng Lập; Hướng Phùng; Tân Lập; Lia; A Dơi.

1.7. Quy mô đầu tư:

1.7.1. Công trình giao thông:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Nâng cấp, xây dựng mới 08 tuyến đường giao thông theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Đường cấp B (miền núi), với tổng chiều dài các tuyến 19,39km. Cụ thể:

(1) Nâng cấp, cải tạo đường nội thôn A Vao, xã Tà Rụt: chiều dài 1,995km. Điểm đầu giao đường bê tông nội thôn A Vao, điểm cuối nối tiếp đường bê tông đi nội thôn Ro Ró.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp (3x3)m 01 cửa; 01 cống hộp (1x1.5)m 02 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(2) Xây dựng mới đường sản xuất thôn Ra Poong: chiều dài 2,356km. Điểm đầu nối tiếp đường bê tông nội thôn Ba Nang, điểm cuối tiếp nối đường lên khu sản xuất thôn Tà Mên.

- Công trình trên tuyến: 01 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống hộp (3x3)m 01 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(3) Xây dựng mới đường sản xuất Bóc Klong, thôn Ba Lòg xã A Dơi (2 đoạn): Tổng chiều dài 3,407km. Đoạn 1 có chiều dài 1,915km, điểm đầu giao với đường bê tông đi nội thôn Cu Tiêng, điểm cuối giao với đường bê tông nội thôn Mãng Sông; đoạn 2 có chiều dài 1,493km, điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn Vũng, điểm cuối nối tiếp đường lên khu sản xuất thôn Vũng.

- Công trình trên tuyến: 08 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống hộp (3x3)m 02 cửa; 01 cống hộp (3x3)m 04 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(4) Xây dựng mới đường liên thôn A Xóc Lìa - A Dơi Đór xã Lìa (2 đoạn): Tổng chiều dài 3,165km. Đoạn 1 có chiều dài 0,791km, điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn đi đường ĐT Tân Long-Lìa, điểm cuối lên khu sản xuất thôn A Xóc Lìa; đoạn 2 có chiều dài 2,374km, điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn đi đường ĐT Tân Long-Lìa, điểm cuối giao với đường bê tông nội thôn Xy.

- Công trình trên tuyến: 02 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống tràn liên hợp cống hộp (3x3)m 04 cửa; 02 cống tràn liên hợp - cống hộp (3x3)m 02 cửa; 03 cống tràn liên hợp - cống hộp (1x1,5)m 02 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(5) Xây dựng mới đường sản xuất thôn A Dơi Cô, xã A Dơi: Chiều dài 1,942km. Đầu tuyến giao với đường bê tông nhựa Tân Long - Lìa, điểm cuối nối tiếp đường bê tông đi nội thôn A Dơi Cô.

- Công trình trên tuyến: 02 cống bản KĐ=1,0m, 01 cống hộp (1x1,5)m 02 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(6) Xây dựng mới đường liên thôn Cu Ty Trầm Cheng, xã Tân Lập: Chiều dài 3,084km. Đầu tuyến giao với đường bê tông nhựa nội thôn Cu Ty, điểm cuối giao với đường bê tông nội thôn Trầm Cheng.

- Công trình trên tuyến: 04 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống hộp (3x3)m 07 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(7) Xây dựng mới đường liên thôn Cu Ta Ka - thôn Trầm Cheng, xã Tân Lập: Chiều dài 2,516km. Điểm đầu tuyến nối tiếp đường bê tông nội thôn đi Cu Ta Ka, điểm cuối tuyến tiếp nối đường bê tông nội thôn đi Trầm Cheng.

- Công trình trên tuyến: 04 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống hộp (3x3)m 03 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

(8) Xây dựng mới đường nội thôn Khe Ngài, xã Đakrông: Chiều dài 0,926km. điểm đầu tuyến nối tiếp đường bê tông đi nội thôn Khe Ngài, điểm cuối tuyến giao với đường bê tông nội thôn Khe Ngài.

- Công trình trên tuyến: 03 cống bản KĐ=1,0m; 01 cống tràn liên hợp - cống hộp (3x3)m 03 cửa; 01 cống tràn liên hợp - cống hộp (1x1,5)m 04 cửa; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

- Phần tuyến: Thiết kế theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn
- Đường cấp B (miền núi): Vận tốc thiết kế 20km/h; Chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0m$; chiều rộng lề đường $B_l=2x0,75m$; Độ dốc lớn nhất $i_{max}=13\%$ (châm chước 15%); Kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 18cm, dưới lót giấy dầu chống mất nước và lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=37,5mm$, dày 12cm; Kết cấu lề, nền đường đắp bằng đất tận dụng, hệ số đầm chặt $K \geq 0,95$. Độ dốc ngang mặt đường và lề có gia cố: $i_n = 2\%$. Độ dốc ngang lề đường không gia cố: $i_n = 4\%$.

- Công trình trên tuyến:

+ Thoát nước ngang: Thân cống BTCT M250, đá 2x4 và M250, đá 1x2 đổ tại chỗ và đúc sẵn; Móng, chân khay, sân cống gia cố bằng BT M200, đá 2x4; Tường đầu, tường cánh BT M200, đá 2x4; Lớp phủ bảo vệ cống BT M250, đá 1x2; Xà mũ, Giằng BTCT M250, đá 1x2.

+ Thoát nước dọc: Thoát nước mặt đường ra mặt đất tự nhiên hai bên tuyến đối với nền đường đắp, thoát ra rãnh dọc hình thanh KT(90x30x30)cm đối với nền đường đào. Những đoạn gia cố rãnh lấp đặt tấm lát BTCT đúc sẵn; Móng rãnh đổ BT M200, đá 1x2.

+ Hệ thống an toàn giao thông thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

+ Xây dựng tường kè chắn đất tại một số vị trí có nguy cơ sạt trượt gây mất an toàn giao thông bằng tường bê tông trọng lực. Kết cấu móng, tường bằng bê tông M200 đá 2x4; Giằng BT M250 đá 1x2.

1.7.2. Công trình cầu:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng mới 02 cầu.

(1) Xây dựng mới Cầu tràn thuộc Bản Cọp vào thôn Vàng, xã A Dơi: Tại lý trình KM0+026.26, đường vào thôn Vàng (km34), xã A Dơi.

(2) Xây dựng mới Cầu tràn thuộc đường nội thôn A Vao, xã Tà Rụt: Tại lý trình KM0+034.85, đường nội thôn A Vao.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

(1) Xây dựng mới Cầu tràn thuộc Bản Cọp vào thôn Vàng, xã A Dơi: Tại lý trình KM0+026.26, đường vào thôn Vàng (km34), xã A Dơi; Kết cấu cầu tràn hộp liên hợp: Hộp (3x3)m, 04 cửa; $L_c=(3x3)x4=12m$; Móng, chân khay, sân gia cố bằng BT M200, đá 2x4; Thân hộp BTCT M250, đá 1x2 đổ tại chỗ; Tường BT M200, đá 2x4; Lớp phủ bảo vệ mặt cầu tràn BT M250, đá 1x2; Xà, dầm, giằng BTCT M250, đá 1x2; Hệ thống an toàn giao thông thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

(2) Xây dựng mới Cầu tràn thuộc đường nội thôn A Vao, xã Tà Rụt: Tại lý trình KM0+034.85, đường nội thôn A Vao; Kết cấu cầu tràn hộp liên hợp: Hộp

(3x3)m, 02 cửa; $L_c=(3x3)x2=6m$; Móng, chân khay, sân gia cố bằng BT M200, đá 2x4; Thân hộp BTCT M250, đá 1x2 đổ tại chỗ; Tường BT M200, đá 2x4; Lớp phủ bảo vệ mặt cầu trần BT M250, đá 1x2; Xà , dầm, giằng BTCT M250, đá 1x2, Xây dựng kè mái taluy chắn đất tại vị trí có nguy cơ sạt trượt gây mất an toàn giao thông bằng tường bê tông trọng lực. Kết cấu móng, tường bằng bê tông M200 đá 2x4; Giằng BT M250 đá 1x2; Hệ thống an toàn giao thông thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

1.7.3. Công trình dân dụng: Xây dựng 02 điểm trường và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng bao gồm: (1) Điểm trường mầm non thôn A Dơi Đór xã A Dơi. (2) Trường mầm non xã Lìa. (3) Nhà sinh hoạt cộng đồng Khu TĐC thôn Sê Pu, xã Hương Lập.

(1) Điểm trường mầm non thôn A Dơi Đór xã A Dơi: Xây mới Nhà học 02 tầng 08 phòng học: Tổng diện tích sàn là 1.044 m², trong đó: Diện tích tầng 1: 515m², Diện tích tầng 2: 529m².

- Giải pháp kiến trúc: Xây dựng nhà học 2 tầng gồm có 10 gian; có 08 gian học 4,2m; 02 gian cầu thang 3,9m và 3,2m; chiều dài nhà 40,7m; chiều rộng nhà 12,1m; sảnh chính rộng 1,5m; Hành lang trước rộng 2,4m; Chiều cao nền 0,38m; chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,9m; chiều cao nhà 10,98m; Tường bao che, tường ngăn xây gạch; Lan can xây gạch vữa xi măng mác 75; Xây ốp trụ gạch gạch đặc vữa xi măng mác 75; Bậc cấp xây bờ lô vữa xi măng mác 75; Nền đắp đất đầm chặt $K=90$, nền, bó vỉa đổ bê tông sạn ngang dày 10cm; Nền sàn, chân tường lát và ốp gạch; Bậc cấp, bậc cầu thang ốp đá; Toàn bộ tường, dầm, trần, cột trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm ; Tường trong, tường ngoài sơn 3 nước (1 nước lót 2 nước màu), toàn bộ tường mặt ngoài, chi tiết trụ cột, lan can sơn chống thấm gốc dầu 3 nước; Mái lợp tôn sóng vuông, thanh kèo, xà gồ thép hộp. Cửa đi, cửa sổ dùng hệ thống cửa khung nhôm hệ 55, hệ thống cửa sổ được bảo vệ bằng hoa sắt;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250).

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ giếng khoan, có hệ thống lọc bằng composit 3 lõi, cấp nước sinh hoạt. Thoát nước gồm thoát xí tiểu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: San đầm mặt bằng độ chặt K90; Xây kè chắn đất bằng BTCT M200, đá 2x4; Xây mới sân chơi chung bằng bê tông lát gạch và sân đường bê tông nội bộ; Xây mới cổng chính rộng 8,6m, cao 5,65m, tường rào bao quanh.

(2) Trường mầm non xã Lìa: Xây mới Nhà học 02 tầng 08 phòng học: Tổng diện tích sàn là 1.044 m², trong đó: Diện tích tầng 1: 515m², Diện tích tầng 2: 529m².

- Giải pháp kiến trúc: Xây dựng nhà học 2 tầng gồm có 10 gian; có 08 gian học 4,2m; 02 gian cầu thang 3,9m và 3,2m; chiều dài nhà 40,7m; chiều rộng nhà 12,1m; sảnh chính rộng 1,5m; Hành lang trước rộng 2,4m; Chiều cao nền 0,38m; chiều cao tầng 1 là 3,9m; tầng 2 là 3,9m; chiều cao nhà 10,98m; Tường bao che, tường ngăn xây gạch; Lan can xây gạch vữa xi măng mác 75; Xây ốp trụ gạch gạch đặc vữa xi măng mác 75; Bậc cấp xây bờ lô vữa xi măng mác 75; Nền đắp đất đầm chặt K=90, nền, bó vỉa đổ bê tông sạn ngang dày 10cm; Nền sàn, chân tường lát và ốp gạch; Bậc cấp, bậc cầu thang ốp đá; Toàn bộ tường, dầm, trần, cột trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; Tường trong, tường ngoài sơn 3 nước (1 nước lót 2 nước màu), toàn bộ tường mặt ngoài, chi tiết trụ cột, lan can sơn chống thấm gốc dầu 3 nước; Mái lợp tôn sóng vuông, thanh kèo, xà gồ thép hộp. Cửa đi, cửa sổ dùng hệ thống cửa khung nhôm hệ 55, hệ thống cửa sổ được bảo vệ bằng hoa sắt;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250).

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ giếng khoan, có hệ thống lọc bằng composit 3 lõi, cấp nước sinh hoạt. Thoát nước gồm thoát xí tiểu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: San đầm mặt bằng độ chặt K90; Xây kè chắn đất bằng BTCT M200, đá 2x4; Xây mới sân chơi chung bằng bê tông lát gạch và sân đường bê tông nội bộ; Xây mới cổng chính rộng 8,6m, cao 5,65m, tường rào bao quanh.

(3) Nhà sinh hoạt cộng đồng khu TĐC thôn Sê Pu, xã Hướng Lập: Xây mới Nhà sinh hoạt cộng đồng, trong đó, mặt bằng tầng trệt có diện tích: 40m² gồm 01 phòng kho, 01 phòng vệ sinh, còn lại nền sân trồng. Mặt bằng Tầng 1 diện tích: 287m², gồm có 1 phòng hội trường + sân khấu và sảnh hành lang bao quanh.

- Giải pháp kiến trúc: Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng gồm có 05 gian chính, mỗi gian: 3,6m; 02 gian còn lại, mỗi gian: 1,5m; 02 gian hành lang đầu hồi, mỗi gian: 1,5m; Hành lang trước rộng 1,8m, hành lang sau rộng 1,5m. chiều dài nhà 24,2m; chiều rộng nhà 11,1m; sảnh chính rộng 1,8m; Tầng trệt bố trí phòng vệ sinh và phòng kho còn lại để trồng; Tầng 1 bố trí phòng khán giả và sân khấu; Hành lang bao quanh. Hành lang trước rộng 1,8m, hành lang 3 mặt còn lại rộng 1,5m; Nền cao 0,15m so với sân bê tông hoàn thiện; Chiều cao sàn tầng 1 là 3m; 02 lối cầu thang rộng 1,8m; chiều cao tầng 1 là 4,2m; chiều cao nhà là 11,85m.

+ Mái lợp tôn sóng vuông, ke chống bão thép bọc nhựa 4 cái/md. Xà gồ thép hộp mạ kẽm, hàn vít 2 đầu, sơn chống rỉ.

+ Tường bao xây gạch nung dày 220; tường ngăn xây gạch không nung dày 150, vữa xây trát xi măng mác 75 dày 15; tường hành lang ngoài nhà sơn 3 nước.

+ Nền lát gạch đệm vữa xm mác 75 dày 20. Mặt bậc cầu thang lát đá granite, đệm vữa xm mác 75 dày 20.

+ Toàn bộ cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ 55. Cửa sổ có khung hoa sắt bảo vệ.

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250).

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm:

+ Nguồn cấp nước từ giếng khoan, cấp nước sinh hoạt.

+ Thoát nước gồm thoát xi tiêu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây mới sân chơi chung bằng bê tông, cổng chính rộng 4,5m cao 2,7m, hàng rào bao quanh.

1.7.4. Công trình cấp nước sinh hoạt: Gồm 04 công trình: (01) Giếng khoan các thôn xã Lìa, (02) Sửa chữa nâng cấp công trình đầu mối Đập nước sinh hoạt xã A Dơi, (03) Sửa chữa duy tu bảo dưỡng hệ thống đường ống, bể nước cho 5 thôn xã A Dơi, (04) Giếng khoan cho 4 thôn, xã A Dơi. Cụ thể:

(1) Giếng khoan các thôn xã Lìa: Xây dựng 15 giếng khoan và 15 bể chứa nước kết hợp hệ thống lọc để cấp nước cho các thôn thuộc xã Lìa, bể chứa và hệ thống lọc có mái che lợp tôn, tường xây lửng 2 mặt, diện tích mái che 26,7m².

- Giải pháp thiết kế: Giếng khoan độ sâu dự kiến 60m, đường kính kỹ thuật D110, ống lọc bằng nhựa uPVC D110 chạy suốt chiều dài giếng, sử dụng máy bơm chìm để bơm hút nước. Xây hồ bảo vệ giếng bằng gạch không nung mác 75, trát bằng vữa XM mác 75, nắp đậy bằng thép tấm không rỉ dày 3 ly. Các vật tư, thiết bị lắp đặt đồng bộ.

- Xây dựng bể chứa nước kết hợp hệ thống lọc 12m³. Xây bể chứa và giàn lọc bằng gạch tuynen mác 75 dày 220, vữa xây trát mác 75, chống thấm bể bằng Sika mác cao, đáy bể, đan nắp bể bằng BTCT đá 1x2 mác 250. Cấu tạo giàn lọc gồm cát thạch anh, than hoạt tính, sỏi đỡ và chụp lọc, xử lý làm sạch nguồn nước trước khi sử dụng sinh hoạt.

- Xây dựng mái che bể nước có diện tích 26,7m², kích thước dài 5,34m, rộng 5m, tổng chiều cao cao 5m tính từ mặt. Tường xây bằng gạch không nung mác 75 dày 150 vữa xây trát mác 75. Nền đổ bê tông mác 200 dày 100, đánh màu mặt nền bằng Xi măng nguyên chất. Mái lợp tôn sóng vuông, xà gồ thép hộp. Cấp điện chiếu sáng và máy bơm đồng bộ. Móng, trụ, dầm giằng bằng bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo chịu lực.

(2) Sửa chữa nâng cấp công trình Đập đầu mối nước sinh hoạt xã A Dơi: Xây dựng 1 Đập đầu mối có diện tích 54m², lắp đặt ống thu nước, van khóa đồng bộ.

- Giải pháp thiết kế: Xây dựng Đập đầu mối bằng bê tông đá 1x2 mác 250, diện tích xây dựng 54m², kích thước dài 9m, rộng 6m. Chiều cao đập 3m, móng đập sâu 1m rộng 2m tính từ mặt đất tự nhiên, đỉnh đập cao 1,7m tính từ mặt đất tự nhiên, rộng 1m.

- Xây dựng 2 hồ thu lắng, bằng bê tông đá 1x2 mác 250, kích thước dài 1,2m, rộng 1m, cao 1,1m xung quanh trừ các lỗ thu nước D50, đan hồ thu bằng BTCT.

- Xây dựng tường cánh 2 bên đập bằng bê tông đá 1x2 mác 250 cao 1,7m, rộng 2,5m, dày 0,3m. Xây dựng sân thượng lưu và hạ lưu bằng bê tông đá 1x2 mác 250 dày 0,3m trên nền đất tự nhiên.

- Lắp đặt ống thu nước vào hố thu lắng bằng thép tráng kẽm DN200 dài 0,5m, đục lỗ quanh ống thu nước, lắp đặt ống ống dẫn nước thép tráng kẽm và van khóa, van xả đáy đồng bộ DN200.

(3) Sửa chữa duy tu, bảo dưỡng HT đường ống, bể nước cho 5 thôn xã A Dơi: Xây dựng 3 tuyến ống cấp nước sinh hoạt, tuyến 1 dài 8.104m, tuyến 2 dài 2.310m, tuyến 3 dài 3.196m, xây dựng 25 bể nước kết hợp hệ thống lọc cho 5 thôn.

- Giải pháp thiết kế: Xây dựng 3 tuyến dẫn nước bằng ống nhựa HDPE, hiện tuyến 1 dài 8.104m trong đó đoạn ống D90 đầu tuyến dài 7.522m, đoạn ống D50 dài 582m dẫn nước từ đập đầu mối. Tuyến 2 đầu nối vào tuyến 1 dài 2.310m, trong đó đoạn ống D75 dài 1.886m, đoạn ống D50 dài 424m. Tuyến 3 đầu nối vào tuyến 1 dài 3.196m, trong đó đoạn ống D75 dài 2.556m, đoạn ống D50 dài 640m, ống chôn sâu dưới mặt đất tự nhiên 0,5m. Tại các vị trí qua khe suối sâu dùng trụ neo tăng đỡ để treo ống. Trên các tuyến ống bố trí van xả khí tại các vị trí cao để thoát khí, bố trí các van xả cạn tại các vị trí thấp để dễ dàng khi cần xả cạn, các vị trí có địa hình chênh cao lắp thêm van giảm áp để điều tiết áp lực.

- Xây dựng bể chứa nước kết hợp hệ thống lọc 12m³. Xây bể chứa và giàn lọc bằng gạch tuynen mác 75 dày 220, vữa xây trát mác 75, chống thấm bể bằng Sika mác cao, đáy bể, đan nắp bể bằng BTCT đá 1x2 mác 250. Cấu tạo giàn lọc gồm cát thạch anh, than hoạt tính, sỏi đỡ và chụp lọc, xử lý làm sạch nguồn nước trước khi sử dụng sinh hoạt. Quanh bể nước đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100, đánh màu mặt nền bằng Xi măng nguyên chất.

(4) Giếng khoan cho 4 thôn xã A Dơi: Xây dựng 15 giếng khoan và 15 bể chứa nước kết hợp hệ thống lọc để cấp nước cho các thôn thuộc xã Lìa, bể chứa và hệ thống lọc có mái che lợp tôn, tường xây lũng 2 mặt, diện tích mái che 26,7m².

- Giải pháp thiết kế: Giếng khoan có độ sâu dự kiến 60m, đường kính kỹ thuật D110, ống lọc bằng nhựa uPVC D110 chạy suốt chiều dài giếng, sử dụng máy bơm chìm để bơm hút nước. Xây hố bảo vệ giếng bằng gạch không nung mác 75, trát bằng vữa XM mác 75, nắp đáy bằng thép tấm không rỉ dày 3 ly. Các vật tư, thiết bị lắp đặt đồng bộ.

- Xây dựng bể chứa nước kết hợp hệ thống lọc 12m³. Xây bể chứa và giàn lọc bằng gạch tuynen M75 dày 220, vữa xây trát M75, chống thấm bể bằng Sika mác cao, đáy bể, đan nắp bể bằng BTCT đá 1x2 mác 250. Cấu tạo giàn lọc gồm cát thạch anh, than hoạt tính, sỏi đỡ và chụp lọc, xử lý làm sạch nguồn nước trước khi sử dụng sinh hoạt.

- Xây dựng mái che bể nước có diện tích 26,7m², kích thước dài 5,34m, rộng 5m, tổng chiều cao cao 5m tính từ mặt. Tường xây bằng gạch không nung mác 75

dày 150 vữa xây trát mác 75. Nền đổ bê tông mác 200 dày 100, đánh màu mặt nền bằng Xi măng nguyên chất. Mái lợp tôn sóng vuông, xà gồ thép hộp. Móng, trụ, dầm giằng bằng bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo chịu lực. Cấp điện chiếu sáng và máy bơm đồng bộ.

1.7.5. Công trình thủy lợi: Xây dựng mới công trình thủy lợi A Dơi Cô xã A Dơi, gồm: Xây dựng 1 Đập nguồn có diện tích 54m², lắp đặt ống thu nước, van khóa đồng bộ DN200. Xây dựng 2 tuyến ống cấp nước thủy lợi HDPE DN200, tuyến 1 dài 575m, tuyến 2 dài 680m.

- Giải pháp thiết kế: Xây dựng Đập nguồn bằng bê tông đá 1x2 mác 250, diện tích xây dựng 54m², kích thước dài 9m, rộng 6m. Chiều cao đập 3m, móng đập sâu 1m rộng 2m tính từ mặt đất tự nhiên, đỉnh đập cao 1,7m tính từ mặt đất tự nhiên, rộng 1m.

- Xây dựng 2 hố thu lắng, bằng bê tông đá 1x2 mác 250, kích thước dài 1,2m rộng 1m, cao 1,1m xung quanh trừ các lỗ thu nước D50, đan hố thu bằng BTCT.

- Xây dựng tường cánh 2 bên đập bằng bê tông đá 1x2 mác 250 cao 1,7m, rộng 2,5m, dày 0,3m. Xây dựng sân thượng lưu và hạ lưu bằng bê tông đá 1x2 mác 250 dày 0,3m trên nền đất tự nhiên.

- Lắp đặt ống thu nước vào hố thu lắng bằng thép tráng kẽm DN200 dài 0,5m, đục lỗ quanh ống thu nước, lắp đặt ống ống dẫn nước thép tráng kẽm và HDPE DN200, tuyến 1 dài sẽ DN200; Xây dựng 2 tuyến dẫn nước bằng ống về Tuyến 2 dài 680m dẫn nước từ đập nguồn về khu vực canh tác, ống chôn sâu dưới mặt đất tự nhiên 0,7m. Tại các vị trí qua khe suối sâu dùng trụ neo tăng đơ để treo ống. Trên các tuyến ống bố trí van xả khí tại các vị trí cao để thoát khí, bố trí các van xả chặn tại các vị trí thấp để dễ dàng khi cần xả chặn, các vị trí có địa hình chênh cao lắp thêm van giảm áp để điều tiết áp lực.

1.8. Tổng mức đầu: 167,5 tỷ đồng.

1.9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

1.10. Thời gian thực hiện: Năm 2026- 2029.

II. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số TV-14: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước lập TKBVTC và thiết kế bản vẽ thi công, DT, TDT;

- Giá gói thầu phê duyệt: 3.923.246.415 đồng (Đã bao gồm thuế VAT 8%).

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026;

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Tuyển chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn khảo sát, lập TKBVTC, DT-TDT phù hợp với quy mô dự án như đã được mô tả nêu trên, đảm bảo những yêu cầu sau đây:

- Đáp ứng được hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn phù hợp, có giá dự thầu đảm bảo kinh tế và kỹ thuật;
- Khách quan, công khai, công bằng, minh bạch;
- Đạt yêu cầu tiến độ, chất lượng, đúng quy trình, quy phạm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Phạm vi công việc:

Nội dung và phạm vi công việc Khảo sát địa hình, địa chất và lập TKBVTC, DT-TDT phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Khảo sát xây dựng

1.1. Mục đích khảo sát xây dựng: Để làm cơ sở triển khai TKBVTC, DT, TDT. Xác định vị trí, cao độ xây dựng cho các hạng mục xây dựng theo quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch vùng của địa phương tại vị trí xây dựng công trình. Công tác khảo sát địa chất là cơ sở để xác định tính chất cơ lý của đất phục vụ cho tính toán kết cấu chịu lực, thiết kế móng công trình và phân loại cấp đất, đá trong xác định biện pháp thi công san nền và đào, đắp đất cho các hạng mục. Kết quả khảo sát phải đảm bảo điều kiện để tính toán, lựa chọn phương án kỹ thuật theo phương án tối ưu vừa đảm bảo chịu lực nhưng phải tiết kiệm chi phí đầu tư, tránh lãng phí, đầu tư không đúng mục đích, không bám sát nhu cầu sử dụng.

1.2. Điều tra, thu thập số liệu: Điều tra bổ sung các công trình nổi, ngầm và hệ thống hạ tầng trong phạm vi khảo sát, số liệu GPMB. Điều tra kinh tế - xã hội. Thu thập các tài liệu liên quan phục vụ lập TKBVTC, DT-TDT công trình.

1.3. Khảo sát địa hình:

- Bình đồ tuyến: Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1,0m;
- Mặt cắt dọc tuyến: Đo vẽ cắt dọc tỷ lệ: cao 1/100, dài 1/1000;
- Mặt cắt ngang tuyến: Đo vẽ mặt cắt ngang tỷ lệ 1/200;
- Đo vẽ bình đồ khu vực tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m;
- Thủy chuẩn kỹ thuật.

1.4. Khảo sát địa chất

- Đào hố thăm dò kiểm tra địa chất.
- Thí nghiệm mẫu đất.
- Kết quả khảo sát phải đảm bảo đủ điều kiện để triển khai bước TKBVTC, DT, TDT. Riêng công tác thí nghiệm trong phòng nếu nhà thầu không có năng lực

cho phép sử dụng nhà thầu phụ nhưng phải kèm theo Văn bản thỏa thuận theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Kết thúc công tác khoan, lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện thí nghiệm trong phòng và tổng hợp kết quả, nghiệm thu công tác khảo sát địa chất theo đúng quy định Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

1.5. Yêu cầu về chất lượng khảo sát địa hình, địa chất: Công tác khảo sát địa hình, địa chất phải mô tả đúng hiện trạng khu đất, xác định đúng các chỉ tiêu cơ lý của đất, mô tả địa tầng thủy văn để đảm bảo điều kiện triển khai lập TKBVTC, DT, TDT. Kết quả khảo sát phải đủ điều kiện để xác định ranh giới vị trí xây dựng, cao độ các điểm đầu nối hạ tầng, tính toán kết cấu nền móng và phân cấp đất đá, lập biện pháp thi công và dự toán chi phí đối với công trình có vận chuyển đất đá và làm cơ sở lựa chọn phương án và nội dung thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phù hợp với phạm vi, quy mô dự kiến đầu tư; đảm bảo dự án phát huy hiệu đầu tư và làm cơ sở để xác định đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công phù hợp với giá thị trường thuộc địa điểm xây dựng các hạng mục công trình tại thời điểm lập TDT bước TKBVTC.

1.6. Khối lượng khảo sát dự kiến

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH CẤP IV		
1.1	Đo vẽ bình đồ tuyến trên cạn tỷ lệ 1/1.000 đường đồng mức 1m, địa hình cấp IV	100Ha	2,0056
1.2	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn tỷ lệ đứng 1/100; tỷ lệ ngang 1/1000, địa hình cấp IV	100m	339,60
1.3	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp IV	100m	398,90
1.4	Đo vẽ bình đồ khu vực tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5m, địa hình cấp IV	Ha	8,50
1.5	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV	Km	33,96
1.6	Công tác điều tra thu thập số liệu khảo sát	Công	30,00
1.7	Công tác điều tra thu thập số liệu khảo sát (Kỹ sư 4/8)	Công	8,00
1.8	Xe ô tô phục vụ công tác khảo sát	Ca	20,00
2	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT VÀ THÍ NGHIỆM		
2.1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu trên cạn, độ sâu lỗ khoan từ 0-30m, cấp đất đá I – III	1m khoan	98,00
2.2	Bơm cấp nước lỗ khoan, độ sâu lỗ khoan từ 0-30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	98,00
2.3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT cấp đất đá I-III	Lần	49,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
2.4	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (Thí nghiệm xác định 9 chỉ tiêu)	mẫu	49,00
2.5	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu trên cạn, độ sâu lỗ khoan từ 0-30m, cấp đất đá IV - V	1m khoan	100,00
2.6	Bơm cấp nước lỗ khoan, độ sâu lỗ khoan từ 0-30m, cấp đất đá IV - V	1m khoan	100,00
2.7	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT cấp đất đá IV-VI	Lần	50,00
2.8	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (Thí nghiệm xác định 9 chỉ tiêu)	mẫu	50,00
2.9	Công tác di chuyển máy móc, dụng cụ cần thiết phục vụ công tác khoan bằng thủ công	Công	124,00
2.10	Xe ô tô phục vụ công tác khảo sát	Ca	62,00

2. Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán)

Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

- Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) (bao gồm cả phần thuyết minh) tất cả các công việc và các hạng mục công trình thuộc Dự án thành phần số 02: ĐTXD công trình (giai đoạn 2026- 2030) Khu KTQP Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị gồm các nội dung sau:

+ Căn cứ kết quả khảo sát địa hình, địa chất và thiết kế cơ sở được duyệt. Các nội dung TKBVTC phải đủ điều kiện để tính toán dự toán, tổng dự toán, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, đảm bảo bền vững, giá thành hợp lý và phù hợp hiện trạng và quy hoạch được duyệt, đủ điều kiện pháp lý để báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo làm cơ sở triển khai bước thi công.

+ An toàn, tiết kiệm, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường;

+ Nhà thầu phải đệ trình thiết kế, phương pháp thiết kế cho Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thiết kế.

+ Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt cùng với dự toán.

+ Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định, phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; các bản tính toán kết cấu...; giải thích

những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được và các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện lập tổng dự toán, dự toán và lập hồ sơ mời thầu xây lắp; Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

+ Dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình: Chuẩn bị các bảng khối lượng công trình xây dựng và các bảng tính toán khối lượng chi tiết. Dự toán và tổng dự toán được lập trên cơ sở căn cứ quy mô, yêu cầu kỹ thuật, các chỉ tiêu của TKBVTC và yêu cầu của dự án theo đơn giá tại thời điểm hiện hành và vận dụng đơn giá các công trình, hạng mục công trình tương tự đã triển khai trong những năm gần.

- Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế. Bố trí người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm đồ án và chủ trì thiết kế các bộ môn.

- Chỉ sử dụng kết quả khảo sát do Chủ đầu tư cung cấp, sử dụng hồ sơ thiết kế cơ sở Chủ đầu tư cung cấp.

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế.

- Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng, tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;

- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

- Giám sát tác giả theo quy định;

- Lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật cho các hạng mục gói thầu;

- Lập quy trình bảo trì công trình Xây dựng.

- Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ lập thiết kế và dự toán được chủ đầu tư phê duyệt.

3. Danh mục hồ sơ: Nhà thầu phải hoàn thành sản phẩm hợp đồng theo danh mục công việc nêu tại điều khoản tham chiếu. Hình thức, số lượng giao nộp từng sản phẩm hợp đồng theo yêu cầu Chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Quốc phòng và Nhà nước.

3.1. Danh mục hồ sơ:

TT	Tên hồ sơ	Yêu cầu sản phẩm hợp đồng
1	Hồ sơ Nhiệm vụ thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
2	Phương án thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm

TT	Tên hồ sơ	Yêu cầu sản phẩm hợp đồng
		thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
3	Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất	Báo cáo đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
4	Hồ sơ TKBVTC	Thuyết minh TKBVTC, Hồ sơ thiết kế BVTC có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
5	Thuyết minh tính toán KC	Thuyết minh đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
6	Dự toán, tổng dự toán	Đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia ký và đóng dấu xác nhận
7	Quy trình bảo trì, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
8	Hồ sơ nghiệm thu	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
9	Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án	Các văn bản liên quan đến dự án

3.2. Chất lượng hồ sơ giao nộp: Nhà thầu giao nộp cho Chủ đầu tư hồ sơ theo danh mục nêu tại điểm 3.1 khoản 3 mục này với các bộ bản giấy và 01 USB copy chứa toàn bộ dữ liệu phải được định dạng theo bản gốc phát hành; đối với các báo cáo, thuyết minh theo định dạng MS Word; bảng tính là MS Excel 2007, đảm bảo tính liên kết giữa các file; phông chữ thuộc bảng mã Unicode; các bộ bản vẽ bằng thực hiện trên chức trình Autocad 2007; trường hợp các file có dung lượng lớn thì cần nén định dạng *.zip, *.rar. Các file không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu. Hồ sơ phải được đại diện nhà thầu tư vấn ký, đóng dấu và các cán bộ tham gia lập hồ sơ ký xác nhận, trong đó tối thiểu các chức danh về chủ trì khảo sát, chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định. Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác khảo sát tại hiện trường phải tiến hành cập nhật, chuẩn xác và hoàn thiện báo cáo kết quả khảo sát để Chủ đầu tư nghiệm thu theo đúng quy định.

3.3. Địa điểm giao nộp hồ sơ: Đoàn KT-QP 337/QK4 - Địa chỉ: Xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị.

3.4. Đối với các hồ sơ có sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu) thì nhà thầu sẽ phải chuẩn xác lại, trường hợp không đủ cơ sở để chuẩn xác lại được thì phải loại bỏ, việc khắc phục, chuẩn xác lại không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu.

4. Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Dự kiến nhà thầu trúng thầu triển khai thực hiện dịch vụ tư vấn ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện

- Các báo cáo phải nộp bao gồm: Thực hiện chế độ giao ban tiến độ vào 08 giờ 30 phút sáng thứ 2 hàng tuần tại Đoàn KT-QP 337/QK4, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản về tiến độ thực hiện công việc.

- Thời gian thực hiện: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

VI. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có); cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công trình cho tổ chức tư vấn (trong phạm vi cho phép); thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác có liên quan đến dự án khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản, Chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

- Kiểm tra năng lực nhà thầu so với Hồ sơ dự thầu.
- Bố trí cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn;
- Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định;
- Thanh toán kinh phí tư vấn cho nhà thầu khi nhà nước cấp vốn;
- Lưu trữ hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.